

## BIỂU THỨC QUY CHIẾU “NGƯỜI PHỤ NỮ” TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ TỪ GÓC NHÌN CỦA PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN

Nguyễn Thị Hoài Phương

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: nguyenhoaihuongdhsp@mail.com

*Ngày nhận bài: 5/12/2018; ngày hoàn thành phản biện: 11/12/2018; ngày duyệt đăng: 02/10/2019*

### TÓM TẮT

Nghiên cứu về ngôn ngữ trong các truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư, chúng tôi nhận thấy sự xuất hiện đặc biệt của hệ thống các nhân vật nữ. Sự xuất hiện không hề khiêm tốn của thế giới hình tượng các nhân vật nữ trong các truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư đã đặt ra những hoài nghi về ý nghĩa ngầm ẩn được đặt trong thế giới nhân vật này. Xưa nay, nghiên cứu về truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư, chúng ta thường thấy sự ứng dụng của các hệ hình lý thuyết trong phê bình văn học. Nay, với mong muốn mở rộng biên độ và phạm vi nghiên cứu, chúng tôi mạnh dạn ứng dụng lý thuyết nghiên cứu thuộc đặc thù ngôn ngữ để phân tích, tìm hiểu một phạm trù thuộc lĩnh vực văn học. Đặt thế giới hình tượng nhân vật nữ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư dưới góc nhìn của lý thuyết phân tích diễn ngôn theo đường hướng dụng học chúng tôi hướng đến làm rõ hai vấn đề: Các biểu thức quy chiếu được khảo sát mang những đặc trưng ngôn ngữ nào? Giá trị của các biểu thức quy chiếu ấy xét về mặt chức năng ngôn ngữ? Như thế, việc ứng dụng lý thuyết phân tích diễn ngôn vào lĩnh vực văn học đã cho thấy tính khả thi của hệ lý thuyết này trên các đối tượng ngôn ngữ.

**Từ khóa:** Nhân vật nữ, phân tích diễn ngôn, biểu thức quy chiếu, đồng quy chiếu.

### 1. MỞ ĐẦU

Dưới ánh sáng của lý thuyết phân tích diễn ngôn, ngôn ngữ được xem là một thực thể xã hội, miêu tả sự hoạt động của ngôn ngữ trong các ngữ cảnh cụ thể. Theo đó, ngôn ngữ không chỉ đơn giản là công cụ giao tiếp, mà nó là quá trình tương tác giao tiếp. Ngôn ngữ được đẩy lên thành một thực tiễn xã hội hay một bộ phận của nền văn hóa. Khi xem xét các đặc trưng ngôn ngữ dưới góc nhìn của phân tích diễn ngôn, chúng ta dễ dàng nhận thấy, phạm trù ngôn ngữ trở thành một phạm trù động, linh hoạt và dung chứa nhiều ẩn nghĩa. Nhất là khi gắn ngôn ngữ với các chức năng bản thể của nó khi hành chức, ngôn ngữ càng cho thấy những đặc trưng của việc sử dụng

*Biểu thức quy chiếu “người phụ nữ” trong một số truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư ...*

nó trong giao tiếp đời sống xã hội, ngầm trả lời cho câu hỏi: ngôn ngữ có tác dụng gì? Được sử dụng như thế nào? Như thế, thực tiễn nghiên cứu ngôn ngữ đã có sự dịch chuyển: đi từ nghiên cứu bản thân hệ thống ngôn ngữ sang nghiên cứu ngôn ngữ trong thực tế sử dụng.

Hướng nghiên cứu dùng lý thuyết phân tích diễn ngôn để chỉ ra các đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ không hẳn là hướng đi quá mới mẻ. Không những thế, giới nghiên cứu đã chỉ ra rằng, bức tranh nghiên cứu ngôn ngữ nửa cuối thế kỷ XX đã minh chứng rõ cho sự xuất hiện của hệ lý thuyết này. Tiêu biểu có: Harris với bài báo *Phân tích diễn ngôn* (1952); Sinclair và Coulthard với công trình *Về một phân tích diễn ngôn và Một dẫn luận về phân tích diễn ngôn* (1975, 1977); Brown và Yule với công trình *Phân tích diễn ngôn* (1983)...

Kể từ khi ra đời, phân tích diễn ngôn đã trở thành địa hạt nghiên cứu mang nhiều hấp lực đối với giới khoa học ngôn ngữ. Sở dĩ có được những ứng dụng lý thuyết phân tích diễn ngôn như thế là vì đường hướng nghiên cứu này được chia làm nhiều nhánh khác nhau (ngữ dụng học, biến đổi ngôn ngữ, ngôn ngữ học xã hội, dân tộc học giao tiếp...) Hình dung mỗi nhánh là một con đường, người nghiên cứu có thể lựa chọn những con đường đi khác nhau nhưng cuối cùng họ đều chung một đích đến. Và đích đến của những hướng nghiên cứu chỉ rõ, lý thuyết phân tích diễn ngôn cho phép người nghiên cứu khai sâu, mở rộng biên độ và phạm vi nghiên cứu các đặc trưng của ngôn ngữ.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi dùng lý thuyết phân tích diễn ngôn để xem xét một thực thể ngôn ngữ. Rõ hơn, đó là một phạm trù ngôn ngữ trong tác phẩm văn học - cụ thể là các biểu thức quy chiếu chỉ các nhân vật nữ trong một số truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư theo đường hướng dụng học. Theo đó, chúng tôi sẽ cố gắng làm rõ hai vấn đề: Các biểu thức quy chiếu được khảo sát mang những đặc trưng ngôn ngữ nào? Giá trị của các biểu thức quy chiếu ấy? Như thế, việc ứng dụng lý thuyết phân tích diễn ngôn (theo đường hướng dụng học) vào lĩnh vực văn học đã cho thấy tính khả thi của hệ lý thuyết này trên các đối tượng ngôn ngữ.

## **2. NỘI DUNG**

### **2.1 Đường hướng dụng học trong phân tích diễn ngôn**

Lịch sử về quá trình ứng dụng và nghiên cứu lý thuyết phân tích diễn ngôn vào các đối tượng ngôn ngữ đã cho thấy sự xuất hiện từ rất sớm của hệ hình lý thuyết này. Bàn về nội hàm khái niệm và các vấn đề liên quan của lý thuyết phân tích diễn ngôn đã có khá nhiều công trình nghiên cứu (cả trong lẫn ngoài nước). Như đã đề cập ở trên, phân tích diễn ngôn ở các công trình nước ngoài được đánh dấu bởi nhiều tên tuổi. Đáng chú ý có: chặng đường đầu đánh dấu đầy đủ và thực sự bắt đầu của lý thuyết

phân tích diễn ngôn là Brown và Yule; tiếp nối là các đại diện Schiffrin, Levison, Halliday và Nunan... Đặc biệt, lý thuyết về ngữ pháp chức năng hệ thống - một trong những đường hướng nghiên cứu ngôn ngữ thuộc khuôn khổ phân tích diễn ngôn của Halliday đang rất được chú ý. Tiếp nhận ở Việt Nam, phân tích diễn ngôn cũng được đề cập và ứng dụng trong nhiều công trình chuyên sâu. Giai đoạn đầu có Trần Ngọc Thêm, Đỗ Hữu Châu, Diệp Quang Ban, Nguyễn Thiện Giáp. Về sau có các nghiên cứu về lý thuyết phân tích diễn ngôn của Nguyễn Hòa... Như thế, lý thuyết phân tích diễn ngôn đã trở nên phổ quát trong giới khoa học ngôn ngữ. Trong giới hạn của bài viết, chúng tôi không trình bày lại các vấn đề liên quan đến khái niệm cũng như các phạm trù nội dung của phân tích diễn ngôn. Xem lý thuyết phân tích diễn ngôn như lý thuyết nền, chúng tôi mặc nhiên thừa nhận (giả định) sự hiểu biết cơ bản của độc giả về các vấn đề liên quan đến hệ lý thuyết này.

Để hiểu thêm về vấn đề sắp sửa bàn luận, chúng tôi đi sâu vào đường hướng nghiên cứu dụng học trong phân tích diễn ngôn, tạo cơ sở ứng dụng cho những trình bày về kết quả nghiên cứu tiếp theo. Bàn về đường hướng nghiên cứu dụng học, tác giả Nguyễn Hòa trong chuyên luận *Phân tích diễn ngôn, một số vấn đề lý luận và phương pháp* đã dành hẳn một mục trong chương hai cho việc trình bày về nội dung liên quan đến đường hướng nghiên cứu này. Phân tích diễn ngôn theo đường hướng của ngữ dụng học có nhiều nhánh thực hiện. Tuy nhiên, trong chuyên luận của Nguyễn Hòa, chúng tôi tích hợp được hai nhánh (theo hai quan điểm) như sau:

\* Nhánh (I) theo quan điểm của Austin và Searle phân tích diễn ngôn căn cứ vào các hành động nói (hành động ngôn từ). Trong đó, Austin đưa ra quan điểm mấu chốt rằng “ngôn ngữ sinh ra với nhiều chức năng khác nhau”<sup>1</sup>. Chính nhờ sự khẳng định rằng: các phát ngôn đồng thời thực hiện nhiều chức năng nên hành động ngôn từ được diễn đạt đúng hơn phải là hành động diễn ngôn. Từ sự khẳng định của Austin, Searle đã đưa ra ba nguyên tắc và năm kiểu hành động ngôn từ trong phân tích ngôn ngữ theo hướng dụng học. Bao gồm: *nguyên tắc đích ngôn trung* (xem xét bản chất của hành động); *nguyên tắc liên quan đến sự phù hợp của thực tại với ngôn từ và nguyên tắc về tâm lí*. Với nguyên tắc thứ 2, ta có năm kiểu hành động ngôn từ: *biểu hiện, câu khiến, hứa hẹn, tuyên bố, bày tỏ*. Như thế với nhánh I việc đưa ra lý luận hành động nói đã tập trung xem xét phát ngôn như là các hành động chứa nội dung giao tiếp, nghĩa là thừa nhận phát ngôn được xem xét với tư cách là diễn ngôn.

\*Nhánh II theo quan điểm của Grice với đề xuất phân tích phát ngôn dựa trên hai căn cứ. Một là, ý nghĩa của người nói, tức là ý định hay nội dung giao tiếp mà người nói muốn chuyển tải. Theo đó, ý nghĩa này chia làm hai loại (phi tự nhiên và tự nhiên). Hai là, nguyên tắc cộng tác là nguyên tắc mà cả người nói và người nghe phải

---

<sup>1</sup> Nguyễn Hòa, (2008), *Phân tích diễn ngôn Một số vấn đề lý luận và phương pháp*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, Tr.77

*Biểu thức quy chiếu “người phụ nữ” trong một số truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư ...*

tuân thủ để đạt được mục đích giao tiếp. Nguyên tắc này được Grice triển khai theo bốn quy tắc: *Lượng, chất, cách thức, quan hệ*. Như thế với nhánh II này, quan điểm của Grice đã góp phần phát triển thêm về sự đa dạng trong các nét nghĩa của mỗi phát ngôn. Đồng thời, thừa nhận “diễn ngôn là một hành động giao tiếp được thực hiện dựa trên lí trí”<sup>2</sup> tức là chỉ ra mối quan hệ giữa dụng học và phân tích diễn ngôn.

Như vậy, chúng ta có thể hiểu phương pháp phân tích diễn ngôn theo đường hướng dụng học là chỉ ra các đặc trưng ngôn ngữ thông qua các bình diện cơ bản của ngữ dụng. Chẳng hạn: chiếu vật, chỉ xuất và vấn đề về biểu thức quy chiếu; Hành động ngôn từ; Lập luận; Hội thoại; Ngữ nghĩa (tường minh, hàm ẩn)... Căn cứ vào mỗi một bình diện người nghiên cứu có thể vận dụng các quan điểm cụ thể trong phân tích từ đó phát hiện các đặc trưng ngôn ngữ và chức năng của nó trong hoạt động giao tiếp.

Được xem là đại diện của giới nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam ở giai đoạn thứ hai trong việc đưa lý thuyết phân tích diễn ngôn vào trong các nghiên cứu trong nước, Đỗ Hữu Châu trong *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập II: *Ngữ dụng học* (2001) với những kiến thức về ngữ dụng học (*ngữ cảnh, chiến lược giao tiếp, lý thuyết hành động ngôn từ, lý thuyết hội thoại...*) đã cung cấp những kiến thức quan trọng góp phần định hướng cho vấn đề tiếp cận ngôn ngữ trong giao tiếp. Đây được nhìn nhận như những viên gạch xác lập bước đầu cho việc phân tích diễn ngôn theo đường hướng dụng học. Từ những nhận thức ban đầu về lý thuyết phân tích diễn ngôn theo đường hướng dụng học, chúng tôi thử áp dụng hệ lý thuyết này vào phân tích ngôn ngữ văn chương. Đây không phải là một hướng đi không có cơ sở. Bởi “diễn ngôn văn chương cũng có tính quy chiếu. Chính chủ thể phát ngôn đã làm cho các kí hiệu ngôn ngữ có tính quy chiếu chứ không phải tự thân diễn ngôn văn chương quy chiếu”<sup>3</sup>. Trong khi đó, quy chiếu là phạm trù thuộc ngữ dụng học, chưa kể trong ngôn ngữ văn chương còn dung chứa các phạm trù khác của ngữ dụng mà trong phạm vi nghiên cứu này chúng tôi không bàn đến. Vậy việc áp dụng lý thuyết phân tích diễn ngôn theo đường hướng ngữ dụng trong phân tích ngôn ngữ văn chương là khả thi và chấp nhận được.

## **2.2 Thế giới nhân vật nữ trong Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư và biểu thức quy chiếu**

Lựa chọn vấn đề về chiếu vật, chỉ xuất mà cụ thể hơn là biểu thức quy chiếu, chúng tôi hướng đến làm rõ các đặc trưng ngôn ngữ thông qua các biểu thức quy chiếu về nhân vật nữ mà tác giả Nguyễn Ngọc Tư đã sử dụng trong các sáng tác của mình. Trong thế giới diễn ngôn của tác phẩm văn học, Nguyễn Ngọc Tư không hẳn là một

---

<sup>2</sup> Nguyễn Hòa, (2008), *Phân tích diễn ngôn Một số vấn đề lí luận và phương pháp*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, Tr.86

<sup>3</sup> Nguyễn Văn Hải, “Tìm hiểu thêm về phân tích diễn ngôn”, *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, số 4, 2013, Tr.11

nghệ nhân “xếp chữ”. Sở dĩ chúng tôi đưa ra nhận định trên trước khi đi sâu phân tích các khía cạnh đặc điểm ngôn ngữ trong văn chương của chị là vì muốn thông tin trước về đặc trưng sáng tác của ngòi bút Nam Bộ này. Các trang viết của chị dung dị, bình thản và tự nhiên. Mỗi một con chữ được xếp đặt cạnh nhau như thể là các lời nói bộc phát thường ngày. Vậy nên, chúng tôi không xem ngôn ngữ văn chương của Nguyễn Ngọc Tư như một cách sắp đặt có dụng ý nghệ thuật với các con chữ. Các trang viết của Nguyễn Ngọc Tư là đời, ngôn ngữ văn chương của chị vì thế cũng thật như đời, tự nhiên, thoải mái và bình dị. Đây chính là lí do để chúng tôi hướng đến các trang viết của chị, để hiểu thêm về các đặc điểm ngôn ngữ trong thế giới nghệ thuật của các con chữ nhưng lại rất tự nhiên ấy.

Thế giới nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư khá đa dạng. Tuy nhiên, khảo sát các tập truyện ngắn của chị (*Cánh đồng bất tận, Gió lẻ và 9 câu chuyện khác...*) chúng tôi nhận thấy sự xuất hiện với tần số khá dày của các nhân vật nữ. Họ có thể là những người mẹ, người vợ, hay những cô thiếu nữ chưa chồng trong vai trò của một người chị, người em. Tất thảy trong các trang viết, sự xuất hiện ít nhiều của các nhân vật nữ trong các truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư đều làm chúng ta nảy sinh nhiều suy nghĩ. Thế giới nhân vật ấy có thể nói lên nhiều điều về tác giả, về những dụng ý nghệ thuật mà nhà văn muốn chuyển tải trong tác phẩm. Để lí giải cho điều này, người nghiên cứu có thể đứng trên nhiều phương diện, sử dụng nhiều con đường khác nhau để có được các kết luận cụ thể về giá trị nội dung được lấy ra từ thế giới nhân vật. Tuy nhiên, dưới góc nhìn của ngôn ngữ học, chúng tôi xem xét hệ thống nhân vật nữ ấy trên bình diện biểu thức quy chiếu. Xem xét liệu các đặc trưng ngôn ngữ có khả năng nói lên điều gì về nội dung của tác phẩm văn chương hay không?

Với phạm vi của bài viết, chúng tôi lựa chọn khảo sát 14 truyện ngắn trong tập truyện *Cánh đồng bất tận* của tác giả Nguyễn Ngọc Tư. Qua đó đưa ra những kết luận cụ thể về sự đa dạng của thế giới nhân vật nữ, các biểu thức quy chiếu và cách thức xác lập các biểu thức quy chiếu về nhân vật nữ có trong các sáng tác của nhà văn này. Kết quả của quá trình khảo sát sẽ cho chúng ta biết được, những ý nghĩa ẩn ngầm đằng sau các con chữ và đặc điểm phong cách sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư nhìn dưới góc nhìn của ngôn ngữ học.

Trước tiên, cần hiểu nội hàm khái niệm của một “biểu thức quy chiếu”. Quy chiếu hay còn gọi là chiếu vật là hành động sử dụng ngôn ngữ để chỉ ra vật nào đó ở thế giới khách quan đang được đề cập đến trong phát ngôn. Khác với nghĩa - thuộc phạm trù ngôn ngữ, nghĩa là phạm trù chỉ sự khái quát hóa từ vô vàn sự vật cụ thể được quy chiếu trong những thực tế nói năng của phát ngôn. Kết quả của quá trình quy chiếu cho ra các biểu thức quy chiếu (referring expression). Như thế, thông qua biểu thức quy chiếu người nghe có thể hình dung về một cái gì đó hay một ai đó được đề cập đến trong thế giới diễn ngôn. Để xác lập được một biểu thức quy chiếu bằng ngôn ngữ, người nói (người viết) có thể: Sử dụng một danh từ riêng, Sử dụng một

Biểu thức quy chiếu “người phụ nữ” trong một số truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư ...

danh ngữ hay dùng các từ chỉ xuất. Qua đó, chúng ta nhận thấy sự đa dạng trong việc thiết lập các biểu thức quy chiếu của một phát ngôn cụ thể. Chính sự đa dạng này có khả năng bật rõ những ý nghĩa nội hàm ẩn sau cách sử dụng biểu thức ngôn ngữ.

Kết quả của quá trình khảo sát 14 truyện ngắn trong tập truyện *Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư đã cho chúng tôi những nhận định ban đầu về thế giới nhân vật trong các sáng tác của nhà văn này. Thiên tính nữ trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư khá mạnh. Sở dĩ có thể đưa ra được kết luận trên, là bởi chúng tôi nhận thấy sự xuất hiện của hệ thống nhân vật nữ trong các sáng tác của chị. Trong 14 truyện được khảo sát, có đến 13 truyện được lấy cốt từ các mẫu chuyện xoay quanh nhân vật chính là nữ giới. Một truyện còn lại (*Biển người mệnh mông*) đề cập đến cuộc đời của Phi - chàng nghệ sĩ nghèo hát rong nhưng cũng không nằm ngoài việc cốt truyện có liên quan và đề cập khá nhiều đến thế giới của phụ nữ. Cụ thể, trong *Cải ơi* thế giới nhân vật nữ là: Diễm Thương, Cải, vợ ông Thành; trong *Thương quá rau răm* là Nga - con gái ông trưởng ấp Tư Mốt; *Hiu hiu gió bắc* là Chị Hoài, chị Hào; *Nhà cổ* là Út Nhỏ, Chị Thế; *Cuối mùa nhan sắc* là đào Hồng, đào Phi; *Nhớ sông* là hai chị em Giang, Thủy, *Cánh đồng bất tận* là Nương và những người đàn bà bị ba Nương ruồng bỏ... Như vậy nhận định về cái gọi là thiên tính nữ trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư là có cơ sở. Tuy nhiên, quay trở lại vấn đề ngôn ngữ - biểu thức quy chiếu nhân vật nữ, chúng ta nhận thấy tác giả đã sử dụng hệ thống các loại biểu thức quy chiếu khá đa dạng để quy chiếu các nhân vật nữ. Minh chứng cụ thể, chúng tôi có bảng sau:

STT	Tên truyện	Thế giới nhân vật nữ chính có trong tác phẩm	Biểu thức quy chiếu		
			Dùng danh từ riêng	Dùng các danh ngữ	Dùng từ chỉ xuất hoặc các từ xưng hô
1	<i>Cải ơi</i>	Diễm Thương - gái quán ba Cải - con gái riêng của vợ ông Thành Vợ ông Thành	Diễm Thương Cải	Nhỏ bồ, con nhỏ, con Cải, vợ ông	bà, con
2	<i>Thương quá rau răm</i>	Nga - con ông trưởng ấp Tư Mốt	Nga	- Bà mẹ Năm, con gái, con Nga, nhỏ Hương - Con nhỏ phục vụ bốc lửa; đưa con gái đang tuyệt vọng; Vài ba chị phụ nữ dò mặt	mày
3	<i>Hiu hiu gió bắc</i>	Chị Hoài - người yêu cũ của anh Hết Chị Hào -	Hoài, Hào	Chị Hoài, Chị Hào, con bồ, má chị Hoài, má em Hoài, hai chị, con nhỏ	Má, chị

		chủ quán tạp hóa			
4	<i>Huệ lấy chồng</i>	Đôi bạn thân Huệ - Điềm	Huệ, Điềm	Các chị, các dì, con Điềm, bà Hai, Má Huệ, Thím Mười Ba; cô nọ, con Huệ Đứa con gái theo chồng; Con bé Mến, cô bạn gái; Con gái trường phòng giáo dục huyện; con gái ở quê	Tao, mày
5	<i>Cái nhìn khắc khoải</i>	Cô út - người phụ nữ được cuu mang		Người phụ nữ; Người phụ nữ ông lượm chiều đó, con mẹ, Cô Ba, Cô Út, Người đàn bà	Chị
6	<i>Nhà cố</i>	Út nhỏ Chị Thế - vợ anh Tứ Hải	Út Nhỏ	Chị Thế vợ anh Tứ hải; Má tôi, Con Tha, con Tho, bà chị ruột, Chị Thế; Cô Út nhỏ	Má, con
7	<i>Môi tình năm cũ</i>	Bà Thấm - vợ ông Mười		Dì Thấm, con Thấm, Dì Út Thía; Người yêu duy nhất của Nguyễn Thọ	Vợ, dì, má
8	<i>Cuối mùa nhan sắc</i>	- Đào Hồng - Đào Phi và các nghệ nhân trong ngôi nhà 'buổi chiều'	Hồng	Cô đào Hồng; cô Hồng; những nghệ sĩ cải lương; nghệ sĩ hát bội một thời vang bóng; đào Phi; bà Hồng; mấy chị em; đứa con gái bỏ nhà theo nghiệp xướng ca	bà
9	<i>Biển người mênh mông</i>	- Bà ngoại phi - Má Phi - Vợ ông Sáu Đèo		Ngoại Phi, bà ngoại, vợ mình; Bác Sáu gái	bà, ngoại, má, cố
10	<i>Nhớ sông</i>	- Giang, Thủy - con gái ông Chín Ba	Giang Thủy	má Giang, con Thủy, chị em Giang, đám đàn bà con gái, cô Hai	má
11	<i>Dòng nhớ</i>	Người phụ nữ không tên		Đàn bà, đứa con gái đầu lòng, vợ của chồng tôi, người phụ nữ đó, người đàn bà, người ta, người đàn bà kia, mấy bà già, vợ bé, con bé Phước nhà tôi, đàn bà mình	dì, chị, cô
12	<i>Duyên phận so le</i>	Xuyến - nhân viên văn hóa	Xuyến	Dì Chín, Con My, con Lam, con Hương, con Xuyến, vợ Thụy, con bé nhỏ teo xinh xẻo này, cô nuôi trẻ, chị em, con bé Bi xinh xẻo này	em
13	<i>Một trái tim khô</i>	Hậu - vợ Thường	Hậu	Nhỏ Thỏ, Người phụ nữ trạc 30, con gái tôi, cô Hậu, mẹ con Hậu, con gái Nhâm, Hai mẹ con	mẹ

Biểu thức quy chiếu “người phụ nữ” trong một số truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư ...

14	<i>Cánh đồng bất tận</i>	Nương Những người đàn bà bị ba Nương bỏ rơi	Nương,	Người đàn bà, một người đàn bà xấu xí, người phụ nữ giống chị, những người phụ nữ quê, bà vợ táo tợn, cô Hai, những người đàn bà giặt giũ dưới sông, người đàn bà đẹp nhất xóm, vợ Út Vũ, bà mẹ bạc lòng, chị chủ nhà, đứa con gái chị chủ nhà, nhỏ con chị chủ nhà, một đứa xinh đẹp nhưng hỗn hào, cáu kỉnh; cô nhân tình này, cô khác, đứa con gái, cô gái sắp sửa về nhà chồng, một người đàn bà mới, những người đàn bà bị cha tôi bỏ rơi.	chị, chị ta, hai, má, cô,
----	--------------------------	--	--------	---	---------------------------

Qua kết quả thống kê có được, chúng ta nhận thấy sự đa dạng trong việc thiết lập các biểu thức quy chiếu về nhân vật nữ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư. Trong đó, tác giả đã sử dụng cả ba cách: dùng danh từ riêng, dùng danh ngữ, và dùng các từ ngữ xung hô, từ chỉ xuất để xây dựng các biểu thức quy chiếu. Xét tổng quát, chúng ta có thể nhận ra sự xuất hiện dày đặc của các biểu thức quy chiếu là một danh ngữ. Về mặt số lượng, loại biểu thức quy chiếu này chiếm số lượng nhiều hơn so với hai loại kia. Sự chênh lệch trong cách xây dựng các loại biểu thức quy chiếu đã cho thấy thế giới nhân vật nữ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư thường là những người phụ nữ bình thường, dân dã mà ta có thể bắt gặp ở bất kỳ đâu trong đời sống. Bởi thế, tác giả không dùng quá nhiều lối viết định danh (dùng danh từ riêng), cũng không có ý định tô đậm các vai vế trong giao tiếp khi dùng các từ ngữ xung hô để xây dựng biểu thức quy chiếu. Nguyễn Ngọc Tư lựa chọn cách dùng các danh ngữ rặc chất Nam Bộ để vạch ra con người, sự vật được nói đến trong thế giới diễn ngôn văn chương của chị. Để thấy, lối viết có phần tự nhiên như cỏ cây của chị mới đây ắp những dụng ý nghệ thuật. Ai bảo rằng Nguyễn Ngọc Tư không chơi chữ, không dụng chữ. Chị có những cách làm riêng, mà đứng từ góc nhìn ngôn ngữ học, mới thấy cái tài của nhà văn nữ này.

### 2.3 Giá trị ngữ nghĩa của các biểu thức quy chiếu

*Đối với các biểu thức quy chiếu dùng danh từ riêng:* Đây là kiểu loại quy chiếu đơn nhất. Việc sử dụng danh từ riêng để quy chiếu về đối tượng giúp người đọc nhận thức rõ và chính xác về đối tượng được nói đến trong diễn ngôn. Bởi, về mặt xã hội tên riêng dùng để phân biệt rạch ròi đối tượng này với đối tượng khác và đặc biệt xác định các tư cách công dân của người đó. Trong 14 truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư, xuất hiện khá nhiều loại biểu thức quy chiếu này. Đó là: Diễm Thương, Cải (*Cải ơi*); Nga (*Thương quá rầu rậm*); Hoài, Hào (*Huu huu gió bắc*); Huệ (*Huê lấy chồng*); Út Nhỏ (*Nhà cô*); Giang, Thủy (*Nhớ sông*); Xuyên (*Duyên phận so le*); Nương (*Cánh đồng bất tận*).... Việc sử dụng loại biểu thức quy chiếu này cho phép tác giả gọi ra một thế giới người mang



những gương mặt riêng, những số phận riêng. Cách gọi tên riêng khi quy chiếu về một nhân vật nữ trong truyện đã giúp cho nhà văn gợi ra những mẫu chuyện không ai giống ai, góp phần tạo nên sự đa dạng trong cách khai thác đề tài. Loại biểu thức quy chiếu dùng danh từ riêng, khi đứng độc lập trong các câu chuyện là một tấm gương phản chiếu độc lập. Nhưng nếu liên kết chúng lại với nhau có thể nhận thấy một thế giới phụ nữ đa sắc. Họ là những người phụ nữ với những cái tên đẹp như: Diễm Thương, Hậu, Xuyên, Huệ, Hoài, Hào. Họ cũng có thể là những con người bình dị với những cái tên rất đời thường: Cái, Nương, Út nhỏ, Giang, Thủy (gọi miền sông nước)...Như thế, dùng danh từ riêng làm thành các biểu thức quy chiếu, Nguyễn Ngọc Tư ngầm chỉ ra sự đa dạng trong thế giới nhân vật truyện ngắn của chị. Vì ở đó, độc giả có thể không tìm thấy một Diễm Thương, Nương hay Xuyên nhưng có thể nhìn thấy một Cái, một Út Nhỏ ở đâu đó trong đời thực. Phải chăng Nguyễn Ngọc Tư đang dùng các biểu thức quy chiếu bằng danh từ riêng để chỉ những con người vừa lạ, vừa quen trong thế giới nhân vật của chị.

*Đối với các biểu thức quy chiếu dùng danh ngữ:* Đây là loại biểu thức quy chiếu được sử dụng nhiều nhất trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư. Kết quả khảo sát và thống kê về loại biểu thức quy chiếu này cho phép chúng ta chia nhỏ thành các tiểu loại trong biểu thức quy chiếu dùng danh ngữ. Trong đó chúng tôi tạm chia thành các kiểu loại nhỏ như sau: **Một là** *Danh từ chung + định ngữ*, chẳng hạn: *con nhỏ phục vụ bốc lửa; đứa con gái đang tuyệt vọng; vài ba chị phụ nữ đỏ mặt; đứa con gái theo chồng; con gái trưởng phòng giáo dục huyện; người phụ nữ ông lượm chiêu đó; chị Thế vợ anh Tứ Hải; người yêu duy nhất của Nguyễn Thọ; nghệ sĩ hát bội một thời; đứa con gái bỏ nhà theo nghiệp xướng ca; con bé bi xinh xẻo này, một người đàn bà xóc xếch; người phụ nữ giống chị; những người đàn bà dưới sông; những người đàn bà bị cha tôi bỏ rơi....***Hai là** *Danh từ trống nghĩa hoặc từ ngữ xưng hô + tên riêng*, ví dụ như: *con Cái; Con Nga; nhỏ Hương; Chị Hoài; Chị Hào; Má chị Hoài; con Diễm, cô Ba, cô Út.* **Ba là** *các danh từ chung + từ chỉ xuất*, như: *Người phụ nữ đó, Người đàn bà kia; cô nhân tình này....* **Bốn là** *cụm danh từ*, loại này có: *con nhỏ, nhỏ bồ, vợ ông; con bồ; người đàn bà; chị chủ nhà; mấy bà già; đàn bà mình...* Như vậy sự thống kê và xếp loại như trên cho chúng ta thấy loại danh ngữ được sử dụng nhiều trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư khi quy chiếu nhân vật nữ là sử dụng *Danh từ chung + định ngữ*. Đối với loại danh ngữ này, bộ phận định ngữ miêu tả đã cung cấp thông tin cụ thể về đối tượng trần thuật. Sử dụng loại này tác giả có dụng ý vạch ra những đánh giá hàm ẩn về các nhân vật nữ xuất hiện trong tác phẩm. Chính vì bộ phận định ngữ phía sau có tính chất miêu tả cụ thể về đối tượng trần thuật, vậy nên dù là quy chiếu xác định hay không xác định, những con người hiện ra trong các biểu thức cũng được độc giả hình dung một cách cụ thể. Nguyễn Ngọc Tư không đánh giá, không phán xét trong các mẫu truyện của mình. Chị chỉ kể như một dòng tự sự rất đời tự nhiên. Tuy nhiên, sự khôn khéo ở chỗ chị biết dùng các biểu thức quy chiếu dạng danh từ kèm phần định ngữ để bổ sung, miêu tả về đối tượng qua đó mà hàm ẩn sự đánh giá nhân

*Biểu thức quy chiếu “người phụ nữ” trong một số truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư ...*

vật của chính chủ thể sáng tác. Bằng biểu thức quy chiếu về nhân vật, Nguyễn Ngọc Tư có thể chỉ cho bạn đọc thấy được số phận (*đứa con gái tuyệt vọng; đứa con gái bỏ nhà theo nghiệp xưởng ca; cô gái sắp sửa về nhà chồng*), ngoại hình (*con nhỏ phục vụ bốc lửa; vài ba chị phụ nữ đỏ mặt; con bé nhỏ teo xinh xẻo này, người đàn bà đẹp nhất xóm...*) hay cả tính cách của họ (*bà mẹ bạc lòng; người vợ táo tợn; đứa con gái xinh đẹp nhưng hỗn hào, cáu kỉnh...*). Đây chính là giá trị của các biểu thức quy chiếu mà Nguyễn Ngọc Tư đã sử dụng trong sáng tác của mình.

*Đối với các biểu thức quy chiếu dùng từ ngữ xưng hô:* Dùng loại biểu thức quy chiếu này chúng ta có thể thấy được sắc thái biểu cảm khác nhau trong các tình huống giao tiếp cụ thể, đồng thời chỉ rõ vai giao tiếp xã hội giữa các nhân vật trong tình huống truyện. Đây là các đơn vị không nhằm phản ánh nội dung khái niệm, do đó nghĩa biểu đạt hoàn toàn phụ thuộc vào ngữ cảnh của câu chuyện hay hoạt động giao tiếp. Đối với loại biểu thức quy chiếu này, trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư có dùng các từ ngữ xưng hô như: *bà, má, chị, em, con, mày, tao, cô, dì, cô, hai...* Qua các từ ngữ xưng hô dùng quy chiếu các nhân vật nữ, chúng ta nhận thấy thế giới nhân vật trong các trang truyện của Nguyễn Ngọc Tư khá bình dị. Họ hiện ra qua các cách xưng hô bình thường, dân dã. Qua đó hình ảnh những người chị, người mẹ, người bà được khắc tạc đậm chất Nam Bộ.

### 3. KẾT LUẬN

Sự xuất hiện của những người phụ nữ trong cuộc đời chính là kiệt tác của tọa hóa, của sự kí thác trách nhiệm đặc biệt đến từ đẳng tối cao. Nói như vậy để thấy, vai trò của những người phụ nữ trong đời sống xã hội con người rất quan trọng. Thế giới ấy đã trở thành đề tài bất tận trong các sáng tác văn học, và những sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư cũng không phải ngoại lệ. Chị viết nhiều mẫu chuyện liên quan đến những người phụ nữ. Chị cho mọi người thấy một thế giới nhân vật nữ với những số phận, cuộc đời khác nhau. Dưới góc nhìn của lí thuyết phê bình văn học, những chiều cạnh nội dung trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư đã được khai thác một cách triệt để. Tuy nhiên, đặt chúng dưới góc nhìn của Ngôn ngữ học mà cụ thể là Phân tích diễn ngôn hẳn là hướng đi khơi mở nhiều giá trị. Không dùng nội dung để nói nội dung. Lấy ngôn ngữ, hay đúng hơn là lấy ra từ trong các phạm trù ngôn ngữ những giá trị nội dung còn ẩn lấp là cách mà phân tích diễn ngôn đưa đến cho người đọc một cách nhìn mới. Thông qua bài viết này, chúng tôi đã phần nào chỉ ra được các biểu thức quy chiếu về các nhân vật nữ và giá trị của các biểu thức ấy trong việc thể hiện, đặt tả nội dung và phong cách sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Tuy nhiên cũng cần thấy được, phân tích diễn ngôn theo đường hướng dụng học còn khá nhiều vấn đề cần bàn đến chứ không riêng gì Biểu thức quy chiếu. Đây chỉ là một khía cạnh nhỏ được chúng

tôi lấy ra từ trong các vấn đề phân tích diễn ngôn theo hướng dụng học để minh chứng cho tính khả thi của việc áp dụng lý thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu văn chương.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đỗ Hữu Châu, (2001) *Đại cương Ngôn ngữ học* (tập 2) - Ngữ dụng học, NXB Giáo dục
- [2]. George Yule, (1997), *Dụng học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Thiện Giáp, (2000) *Dụng học Việt Ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000
- [4]. Gillian Brown, George Yule, (2002), *Phân tích diễn ngôn* (Trần Thuần dịch), NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội
- [5]. Nguyễn Hòa, (2008), *Phân tích diễn ngôn Một số vấn đề lí luận và phương pháp*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội
- [6]. Nguyễn Văn Hải, *Tìm hiểu thêm về phân tích diễn ngôn*, Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, số 4, 2013, Tr9 -Tr15
- [7]. Nguyễn Ngọc Tư, (2010), *Cánh đồng bất tận*, NXB Trẻ

### THE WOMAN REFERENCE EXPRESSIONS IN NGUYEN NGOC TU'S STORIES FROM DISCOURSE ANALYSIS

Nguyen Thi Hoai Phuong

Faculty of Literature and Linguistics, University of Education, Hue University

Email: nguyenhoaihuongdhsp@gmail.com

#### ABSTRACT

Researching on language in Nguyen Ngoc Tu' s stories, we get results on the woman reference expressions. There are many female characters in Nguyen Ngoc Tu' s stories. They are the normal woman. From discourse analysis, the woman reference expressions can provide the meaning of the writer's style. The application of discourse analysis cans show results of research on linguistics.

**Keywords:** discourse analysis, Female character , discourse analysis, the woman reference expressions

*Biểu thức quy chiếu “người phụ nữ” trong một số truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư ...*



**Nguyễn Thị Hoài Phương** sinh ngày 29/12/1992 tại Thành phố Huế. Năm 2014, bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Ngữ văn tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Năm 2017, bà tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Từ năm 2015 đến nay, bà giảng dạy tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* Văn học dân gian, Ngôn ngữ học.